| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN BÌNH TÂN**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 851/2019/DS-ST
Ngày: 28-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Minh Tâm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Tý.

2. Bà Bùi Diệu Huệ.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Tuyết Mai - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân*** *tham gia phiên tòa*: Ông Trần Tuấn Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 432/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 305/2019/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 224/2019/QĐST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Lê Quang C, sinh năm 1984. Địa chỉ: đường T, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1985. Địa chỉ: đường M, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thanh T: Ông Lê Quang C, sinh năm 1984. Địa chỉ: đường T, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Đức L, sinh năm 1978;

2. Bà Trần Thị Bảo V, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: đường H, phường Đ, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Tại phiên tòa: Ông C có mặt; ông L và bà V vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25/01/2019, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Lê Quang C trình bày: Trước đây do là bạn nhiều năm nên ông Lê Quang C và bà Nguyễn Thị Thanh T đã nhiều lần cho vợ chồng ông Nguyễn Đức L và bà Trần Thị Bảo V vay tiền để làm ăn. Để xác định rõ số tiền và thời hạn thanh toán hết khoản nợ, ngày 09/3/2015 ông Lê Quang C, bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Đức L, bà Trần Thị Bảo V có ký hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng Tân Phú, số tiền vay là 1.600.000.000 (một tỷ sáu trăm triệu) đồng, thời hạn vay là 02 năm kể từ ngày ký hợp đồng, không tính lãi suất.

Sau đó, ông C, bà T có cho ông L, bà V vay thêm số tiền 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng, theo các giấy mượn tiền viết tay các ngày 20/3/2015, ngày 03/4/2015, ngày 17/02/2016, ngày 13/6/2016 và ngày 16/1/2017. Các khoản vay này ông L và V đã thanh toán đầy đủ cho ông C, bà T.

Đến ngày 08/8/2017 thì ông L, bà V chỉ trả cho ông C, bà T số tiền 20.000.000 đồng và xác nhận số tiền còn nợ là 1.580.000.000 đồng. Từ đó đến nay ông L, bà V vẫn không thanh toán số tiền còn nợ cho ông C, bà T. Vì vậy, ông Lê Quang C và bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Đức L và bà Trần Thị Bảo V trả lại số tiền vốn vay còn thiếu là 1.580.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn tính từ ngày 08/8/2017 đến ngày 28/11/2019 (làm tròn 27 tháng) với lãi suất 9%/năm, số tiền lãi là 319.950.000 đồng. Thanh toán làm một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Đức L, bà Trần Thị Bảo V vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; tiến hành xác minh thu thập chứng cứ. Vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự thì việc ông C bà T khởi kiện yêu cầu ông L bà V trả số tiền còn nợ 1.580.000.000 đồng và tiền lãi 319.950.000 đồng là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa ông Lê Quang C, bà Nguyễn Thị Thanh T với ông Nguyễn Đức L, bà Trần Thị Bảo V là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn ông Nguyễn Đức L, bà Trần Thị Bảo V cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Đức L, bà Trần Thị Bảo V được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Hợp đồng giữa các bên là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi suất. Đã hết thời hạn thỏa thuận nhưng ông L, bà V không trả đầy đủ số tiền nợ cho ông C, bà T. Nên xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do đó yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền vốn vay còn thiếu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ nội dung hợp đồng vay tiền ngày 09/03/2015 và giấy trả tiền đề ngày 08/8/2017 và sự thừa nhận của nguyên đơn có cơ sở xác định bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 20.000.000 đồng và còn nợ số tiền 1.580.000.000 đồng.

Kể từ ngày 09/4/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm, không có tài liệu thể hiện việc ông L, bà V tiếp tục thanh toán khoản nợ nêu trên. Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền đã trả, số tiền còn nợ nguyên đơn.

Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc 1.580.000.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu trả lãi của nguyên đơn: Hợp đồng vay tài sản giữa các bên được xác lập từ năm 2014 cho đến nay các bên chưa thực hiện xong quyền, nghĩa vụ theo thuận và các quyền, nghĩa vụ khác phát sinh từ hợp đồng mà pháp luật có quy định nên căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 2 và khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạm vi phạm, Hội đồng xét xử xác định bên vay là

ông L, bà V phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc.

Xét nguyên đơn yêu cầu tính lãi trên số tiền chậm trả là 1.580.000.000 đồng với lãi suất 9%/năm, thời gian tính lãi là tính từ 08/8/2017 đến ngày 28/11/2019 nhưng chỉ làm tròn là 27 tháng là phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi cho phía bị đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi chậm trả với số tiền 319.950.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Ông Nguyễn Đức L, bà Trần Thị Bảo V vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, ảnh hưởng đến quyền lợi của ông C, bà T. Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn buộc ông L, bà V thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ một lần ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với các khoản vay số tiền 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng theo các giấy mượn tiền viết tay các ngày 20/3/2015, ngày 03/4/2015, ngày 17/02/2016, ngày 13/6/2016 và ngày 16/1/2017. Nguyên đơn trình bày bị đơn đã thanh toán đầy đủ và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[8] Về án phí:

- Ông Nguyễn Đức L, bà Trần Thị Bảo V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Ông Lê Quang C, bà Nguyễn Thị Thanh T không phải chịu án phí và được trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 144, 147, 157, 228, 266, 271, và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ vào các Điều 463 và Điều 466, 468 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 2 và khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân

Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạm vi phạm;

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang C, bà Nguyễn Thị Thanh T;

Buộc ông Nguyễn Đức L, bà Trần Thị Bảo V thanh toán cho ông Lê Quang C, bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 1.899.950.000 (một tỷ tám trăm chín mươi chín triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 1.580.000.000 đồng, tiền lãi trên nợ gốc quá hạn là 319.950.000 đồng.

Thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí, chi phí tố tụng:

Ông Nguyễn Đức L, bà Trần Thị Bảo V phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 68.998.500 (sáu mươi tám triệu chín trăm chín mươi tám nghìn năm trăm) đồng.

Ông Lê Quang C, bà Nguyễn Thị Thanh T được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 33.960.000 (ba mươi ba triệu chín trăm sáu mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2018/0037920 ngày 18/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Nguyễn Minh Tâm**